

Thạc sỹ Giáo dục tiểu học
ĐẶNG THỊ TRÀ

Hướng dẫn
Luyện viết chữ đẹp



MAI QUÝ
butmaithayanh.vn
Tel: 0983 184 169



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Lời giới thiệu

“Nét chữ nét người” là câu nói mang nhiều ý nghĩa sâu sắc của dân tộc Việt Nam. Qua thực tế dạy học ở trường Tiểu học và trực tiếp xây dựng, biên soạn chương trình chi tiết giảng dạy cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở trường Cao đẳng, Đại học; chúng tôi nhận thấy việc luyện chữ viết đẹp không chỉ cần thiết ở nhà trường mà còn rất cần cho những ai quan tâm đến chất lượng giáo dục của đất nước.

Sau khi ra trường, nếu trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của giáo viên Tiểu học, sinh viên cần phải thể hiện năng lực viết chữ của mình qua nhiều môn học. Tuy vậy chương trình đào tạo ở các trường Cao đẳng, Đại học chỉ có phần Rèn kỹ năng viết thông qua phân môn Tập viết với số thời gian học ở lớp có hạn chế. Theo đó, thời gian để giảng viên hướng dẫn cho sinh viên luyện viết chỉ ở trong phạm vi chương trình phân môn Tập viết ở Tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực trạng này khiến cho sinh viên gặp phải một số lúng túng trong quá trình trực tiếp dạy học sau này. Ngoài ra, việc viết chữ của giáo viên Tiểu học không phải chỉ được thể hiện qua phân môn Tập viết mà nó đã gắn liền với giáo viên qua tất cả các môn học trong suốt cả quá trình dạy học. Với suy nghĩ đó, dựa trên kinh nghiệm thực tiễn dạy học ở Tiểu học, thực tiễn đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở các trường Sư phạm; đồng thời kết hợp sử dụng một số tài liệu về phương pháp dạy học Tiếng Việt hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chúng tôi biên soạn cuốn sách này nhằm giúp sinh viên biết cách tự luyện viết chữ đẹp, ứng dụng việc luyện viết chữ đẹp trong thực tế dạy học. Nội dung sách gồm 3 phần:

Phần thứ nhất : Giới thiệu chung

Phần thứ hai : Cấu tạo chữ viết Tiếng Việt và hướng dẫn viết.

Phần thứ ba : Bài tập ứng dụng

Hi vọng cuốn sách không chỉ bổ ích dành cho sinh viên, học sinh mà cả giảng viên đang tham gia đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở các trường Đại học, là tài liệu tham khảo cho giáo viên tiểu học và các phụ huynh có con em đang ở độ tuổi đến trường.

Phần thứ nhất
GIỚI THIỆU CHUNG

Ngày nay, mặc dù có nhiều phương tiện in ấn hiện đại song chữ viết vẫn có vai trò vô cùng quan trọng với xã hội nhất là đối với công tác giáo dục. Dạy cho học sinh kỹ năng viết đúng, viết đẹp, viết nhanh không chỉ giúp cho các em học tốt môn Tiếng Việt mà còn giúp các em học tốt các môn khoa học khác.

Câu nói từ ngàn xưa: “Nét chữ - Nết người” đến nay vẫn nguyên giá trị của nó. Ân sâu trong việc luyện nét chữ đẹp là rèn nết người, học sinh được rèn tính kiên trì, cẩn thận và óc thẩm mĩ. Ngoài ra, việc dạy luyện viết chữ đẹp cũng góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, nét chữ truyền thống của người Việt Nam.

Như vậy, mỗi giáo viên cần quan tâm đến việc luyện chữ cho bản thân đồng thời rèn chữ viết cho học sinh góp phần xây dựng và đẩy mạnh phong trào thi đua “Giữ vở sạch - Việt chữ đẹp”.

I. NGUYÊN TẮC DẠY LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Dạy luyện viết chữ đẹp cũng như dạy các môn khoa học khác cần đảm bảo các nguyên tắc chung nhưng đối với dạy luyện viết chữ đẹp ta cần chú ý hai nguyên tắc quan trọng sau:

1. Nguyên tắc đảm bảo sự phối hợp thống nhất các bộ phận trong cơ thể tham gia viết chữ

Khi viết, cùng một lúc nhiều bộ phận của cơ thể hoạt động. Tư thế ngồi có quan hệ đến cột sống, đến phổi, đến lunge. Cách cầm bút có quan hệ đến bàn tay, ngón tay, cổ tay. Hình dáng chữ viết có quan hệ đến mắt, miệng. Trên cơ sở khoa học nghiên cứu của Bộ Y tế, nếu học sinh không tuân theo các quy định đó thì có thể để lại nhiều di hại suốt đời như: Mắt bị cận do viết ở nơi thiếu ánh sáng hoặc do tư thế ngồi viết cúi đầu quá sát vở hoặc quá xa vở. Cột sống bị cong vẹo, lưng bị gù, phổi bị ảnh hưởng do tư thế ngồi viết không đúng. Vì vậy, khi rèn chữ viết cho học sinh, chúng ta cần nhắc nhở cách cầm bút, để vở, tư thế ngồi và hoạt động viết của các em cho đúng. Phân tích nguyên tắc này cho thấy kỹ năng viết của học sinh chỉ thực sự có được khi có sự phối hợp đồng bộ các bộ

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

phận trong cơ thể tham gia viết chữ. Việc đánh giá sản phẩm chữ viết cần được theo dõi với quá trình viết của các em.

2. Nguyên tắc coi trọng dạy luyện viết chữ đẹp là dạy hình thành một kĩ năng

Việc rèn luyện kĩ năng đòi hỏi phải tri giác chính xác sản phẩm, nắm vững các thao tác kĩ thuật và kiên trì lặp đi lặp lại các thao tác đó. Khi rèn luyện kĩ năng viết chữ, học sinh phải nắm được hình dáng, đặc điểm, quy trình viết từng chữ cái và từng nhóm chữ cái. Sự luyện tập phải liên tục, nhiều lần, lặp đi lặp lại để khắc sâu vào trí nhớ học sinh. Để hình thành kĩ năng viết cho học sinh, quá trình dạy luyện viết chữ đẹp phải trải qua hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Hình thành và xây dựng biểu tượng chữ viết giúp các em nắm được hình dáng, kích thước, quy trình viết từng chữ cái.

Giai đoạn 2: Hướng dẫn các em luyện viết các chữ cái, liên kết các chữ cái để luyện từ, câu ứng dụng.

II. VẬN DỤNG MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Qua một thời gian dài trực tiếp dạy luyện viết chữ đẹp, chúng tôi rút ra được một số phương pháp cần thiết để luyện viết chữ đẹp như sau:

1. Nhóm phương pháp dùng lời, gây hứng thú cho học sinh

Dạy luyện viết chữ đẹp cho học sinh, điều quan trọng là phải gây được hứng thú cho học sinh. Khi các em yêu thích chữ đẹp thì các em sẽ say mê và quyết tâm rèn chữ cho đẹp. Giáo viên có thể nêu gương sáng về rèn chữ viết, kể những câu chuyện về rèn chữ như: *Thần Siêu luyện chữ*, *Chữ người tử tù*, *Cao Bá Quát*, *Nguyễn Văn Siêu*...những gương người thật việc thật. Ví dụ: Em A chữ viết đẹp nhất trường, các em hãy quan sát chữ viết của bạn và học tập. Giáo viên có thể phô-tô-cop-py các bài viết của học sinh đạt giải cấp huy chương, cấp tỉnh, cấp quốc gia để làm mẫu cho các em, đồng thời động viên các em nếu cố gắng kiên trì rèn luyện thì chữ viết các em cũng đạt được như vậy, thậm chí có thể đẹp hơn. Khi đã gây được hứng thú cho học sinh, các em sẽ thích rèn viết chữ đẹp, lúc này ta cung cấp các bài tập để học sinh rèn kĩ năng viết.

Ngoài ra, nhóm phương pháp này còn được dùng khi hướng dẫn quy trình viết chữ, phân tích cấu tạo chữ và hướng dẫn các kĩ năng viết chữ...

2.Nhóm phương pháp trực quan

Khi dạy chữ viết, việc đưa giáo cụ trực quan là chữ viết mẫu in sẵn từng chữ cái, bảng chữ cái là việc làm để cung cấp cho học sinh biểu tượng về chữ viết, chưa cung cấp được kỹ năng viết. Nếu trực quan là chữ của cô giáo viết mẫu thì càng giá trị hơn, học sinh dễ tiếp thu biểu tượng chữ viết hơn. Giáo viên vừa viết vừa phân tích được từng nét chữ hoặc từng kĩ thuật nối các con chữ. Chữ viết mẫu của giáo viên còn có tác dụng tạo niềm tin cho học sinh, tạo điều kiện cho việc rèn kỹ năng viết liền mạch, viết nhanh. Khi chấm bài, chữa bài, chữ viết của giáo viên được học sinh quan sát như một loại chữ mẫu. Vì vậy, giáo viên chú ý viết đúng mẫu, rõ ràng, đều, đẹp.

Ngoài ra, khi dạy viết chữ giáo viên cũng chú ý đọc mẫu các chữ cái đó. Đọc đúng cũng góp phần quan trọng để đảm bảo viết đúng.

3. Nhóm phương pháp luyện tập thực hành

Đây là một phương pháp cực kì quan trọng. Tập viết chữ có tính chất thực hành. Phải thường xuyên nhắc nhở học sinh ở mọi lúc mọi nơi, không chỉ ở phân môn tập viết mà còn ở tất cả các môn học khác, môn nào cũng cần chữ viết để ghi nội dung bài. Các bài tập cho học sinh luyện tập cần chú ý: Các chữ có nét giống nhau thì cùng xếp vào một nhóm để rèn. Số lượng bài tập ít nhưng lặp đi lặp lại nhiều lần với yêu cầu cao dần. Việc cho học sinh viết đi viết lại nhiều lần một bài sẽ dễ dàng nhận ra lỗi sai của học sinh đồng thời cũng dễ nhận xét sự tiến bộ của học sinh. Có nhiều hình thức cho học sinh luyện tập thực hành:

- + Tập viết trên bảng lớp
- + Tập viết trên bảng con của học sinh
- + Tập viết trong vở tập viết
- + Tập viết khi học các môn học khác.

Khi luyện tập thực hành, để giảm số lượng bài tập và các bài tập được lặp lại nhiều lần ta có thể chia nhóm chữ để rèn: Căn cứ vào đặc điểm của từng chữ cái, căn cứ vào các nét đồng dạng giữa các chữ, căn cứ vào kích thước quy trình viết, chúng ta có thể chia các nhóm chữ như sau:

* **Chữ thường: có thể chia làm 4 nhóm**

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Nhóm 1: Nhóm chữ có nét tương đồng là nét cong:

c, ô, c, a, ā, â, d, đ, q

Nhóm 2: Nhóm chữ có nét tương đồng là nét khuyết trên và nét khuyết dưới:

h, k, l, b, g, y

Nhóm 3: Nhóm chữ có nét tương đồng là nét hất (sô) và nét móc:

i, t, u, ü, n, m

Nhóm 4: Nhóm có nét chữ tương đồng là nét cong (khó), nét móc, nét có vòng xoắn:

r, s, v, c, e, ê, x

Cần chú ý khi dạy các chữ thường là phân tích kĩ chữ đầu tiên của nhóm. Dựa vào nét chữ đồng dạng với đầu nhóm, giáo viên cho học sinh tự rèn các chữ còn lại, chú ý nhắc học sinh rèn kĩ các nét cơ bản.

* Chữ hoa: có thể chia làm 6 nhóm

- Nét tương đồng nhóm 1: A, Ä, Å, N, M

- Nét tương đồng nhóm 2: P, R, B, D, Ð

- Nét tương đồng nhóm 3: C, G, S, L, E, Ē, Ĉ

- Nét tương đồng nhóm 4: J, K, V, H,

- Nét tương đồng nhóm 5: O, Ö, Ö, Q

- Nét tương đồng nhóm 6: U, Ü, Y, X

Tương tự như chữ thường, chữ hoa chúng ta cũng cần chú ý phân tích kĩ cho học sinh chữ đầu tiên của nhóm và hướng dẫn học sinh tập viết thật đẹp chữ đầu tiên.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Phần thứ hai

CẤU TẠO CHỮ VIẾT TIẾNG VIỆT VÀ HƯỚNG DẪN VIẾT

THEO CHƯƠNG TRÌNH CHỮ CÀI CÁCH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2002/QĐ-BGD&ĐT NGÀY 14/6/2002 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (THỨ TRƯỞNG ĐẶNG HUỲNH MAI KÍ)

I. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHUẨN BỊ CHO VIỆC LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

1. Chọn bút

- Bút không quá dài hoặc quá ngắn, khoảng 13cm là vừa.
- Bút không to hoặc nhỏ quá, nhất là chỗ tay cầm bút đường kính 7mm là vừa.
- Phần ngòi bút và lưỡi gà cắm vào ô bút phải vừa khít không quá rộng hoặc quá chật. Phần ngòi bút không được mềm quá dễ bị hỏng.
- Các bộ phận khác của bút phải đảm bảo cho việc hút mực, giữ mực và ra mực đều.
- Toàn bộ trọng lượng cây bút không được quá nặng hoặc quá nhẹ (khoảng 8 đến 10g/1 cây bút là vừa).

2. Tư thế ngồi viết

Ngồi ngay ngắn, lưng thẳng, không tì ngực vào bàn, vai thẳng bằng, đầu hơi cúi và nghiêng sang trái, mắt cách vở 25cm đến 30cm. Hai tay để trên bàn, tay trái giữ vở, tay phải cầm bút. Hai chân để song song, thoải mái.

3. Cách để vở

Vở mở không gấp đôi, để hoàn toàn trên mặt bàn, hơi nghiêng sang trái khoảng 15 độ so với cạnh bàn sao cho mép vở song song với cánh tay.

4. Cách cầm bút

Cầm bút bằng ba ngón tay. Ngón tay giữa ở phía dưới, ngón trỏ ở phía trên và ngón cái giữ bút ở phía ngoài sao cho ngón tay cái thẳng với cánh tay. Bàn tay để nghiêng lên trang vở, cổ tay thẳng thoải mái. Bút nghiêng về phía cánh tay khoảng 45 độ so với mặt giấy và song song mép dọc của trang vở. Ngòi bút úp xuống mặt giấy.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

5. Một số quy ước khi dạy luyện viết chữ đẹp

Nét thẳng đứng : |

Nét cong phải : C

Nét thẳng ngang: —

Nét cong trái : C

Nét thẳng xiên : \

Nét cong kín : O

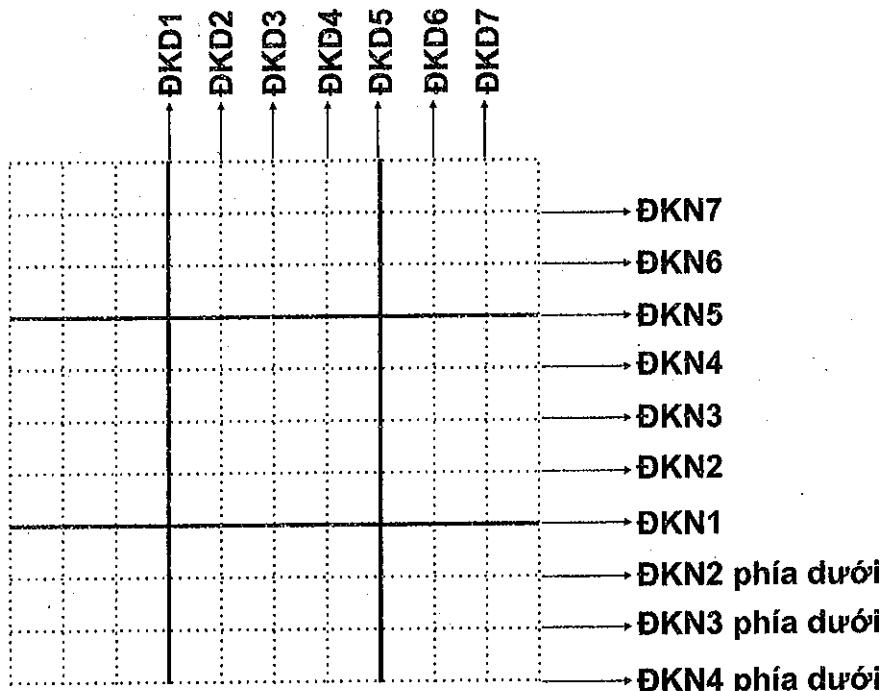
Nét móc ngược : ʃ

Nét khuyết trên : l

Nét móc xuôi : ʃ

Nét khuyết dưới: j

Nét móc hai đầu: ʃ



Đường kẻ ngang kí hiệu : ĐKN

Đường kẻ dọc kí hiệu : ĐKD

Ví dụ: - Đường kẻ dọc số 1 kí hiệu : ĐKD1

- Đường kẻ ngang số 2 kí hiệu : ĐKN2

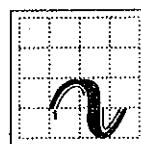
Muốn dạy luyện viết chữ đẹp điều quan trọng nhất giáo viên cần phải quy ước cho học sinh nắm vững quy ước của các đường kẻ và các nét cơ bản.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

II. CÁC NÉT CƠ BẢN VÀ CHỮ SỐ

1. Các nét cơ bản

Nét móc hai đầu



- Cấu tạo: + Cao 2 ô li
+ Rộng 2 ô li ruồi

- Cách viết: Đặt bút trên ĐKN2 viết nét móc chạm ĐKN3, dùng bút ở ĐKN2.

Nét khuyết trên



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li
+ Rộng 1 ô li ruồi

- Cách viết: Đặt bút trên ĐKN2, giữa ĐKD1 và ĐKD2 viết nét khuyết trên đầu nét khuyết chạm ĐKN6, kéo thẳng ra ĐKD2 dùng bút ĐKN1.

Nét khuyết dưới



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li
+ Rộng 1 ô li ruồi

- Cách viết: Đặt bút trên ĐKN3 viết nét khuyết dời kéo dài xuống ĐKN4 phía dưới dựa theo ĐKD3, dùng bút ở ĐKN2.

Nét cong kín



- Cấu tạo: + Cao 2 ô li
+ Rộng 1 ô li ruồi

- Cách viết: Đặt bút dưới ĐKN3 (vị trí số 1) viết nét cong kín (từ phải sang trái) dùng bút ở điểm xuất phát. Chú ý nét cong kín cần cân đối.

Nét móc hai đầu có vòng xoắn nhỏ ở giữa



- Cấu tạo: + Cao 2 ô li

+ Rộng 2 ô li ruồi

- Cách viết: Đặt bút trên ĐKD2 viết nét móc chạm ĐKN3, vòng xoắn nhỏ nằm trên ĐKN2, dùng bút ở ĐKN2.

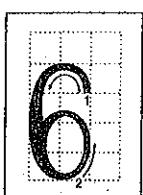
2. Chữ số

Chữ số 0



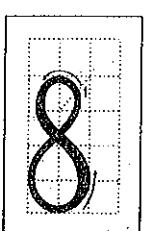
- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
+ Rộng 2 ô li.
+ Viết 1 nét: Nét viết chữ số 0 là nét cong kín
- Cách viết : Đặt bút phía dưới ĐKN5 (vị trí số 1), viết nét cong kín (từ phải sang trái) dừng bút ở điểm xuất phát.

Chữ số 6



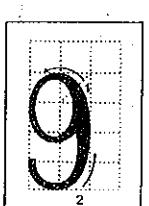
- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
+ Rộng 2 ô li.
+ Viết 2 nét: Cong trái và cong kín
- Cách viết : Đặt bút trên ĐKN4 viết nét cong trái (từ phải sang trái) đến ĐKN2 thì viết tiếp nét cong kín, khi chạm vào nét cong thì dừng lại.

Chữ số 8



- Cấu tạo: + Cao 4 ô li.
+ Rộng 2 ô li.
+ Viết 4 nét: 2 nét cong trái và 2 nét cong phải.
- Cách viết : Đặt bút phía dưới ĐKN5 (vị trí số 1), viết nét cong trái, đến gần ĐKN3 thì chuyển hướng viết nét cong phải, đến ĐKN1 lại lượn lên viết nét cong trái rồi cong phải cho tới khi chạm vào điểm xuất phát ban đầu, tạo thành 2 vòng khép kín tiếp giáp nhau (trên nhỏ dưới to).

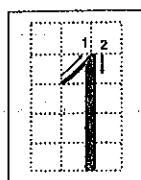
Chữ số 9



- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
+ Rộng 2 ô li
+ Viết 2 nét: Cong kín và cong phải.
- Cách viết :
- + Nét 1 : Đặt bút phía dưới ĐKN5 (vị trí số 1), viết nét cong kín nhỏ (từ phải sang trái), khi chạm vào điểm xuất phát thì dừng lại.
- + Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút xuống viết nét cong phải, đến ĐKN2 thì dừng lại.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ số 1



- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
- + Rộng 1 ô li
- + Viết 2 nét: Thẳng xiên và thẳng đứng.

- Cách viết:

- + Nét 1 : Đặt bút trên ĐKN4 viết nét thẳng xiên đến ĐKN5 thì dừng lại.
- + Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng đứng xuống phía dưới đến ĐKN1 thì dừng lại.

Chữ số 4

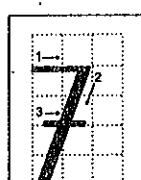


- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
- + Rộng 2 ô li ruồi
- + Viết 3 nét: Thẳng xiên, thẳng ngang, thẳng đứng.

- Cách viết:

- + Nét 1 : Đặt bút trên ĐKN5 viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới) đến ĐKN2 thì dừng lại.
- + Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1 chuyển hướng bút viết nét thẳng ngang rộng 2 ô li ruồi thì dừng lại.
- + Nét 3 : Từ điểm dừng bút của nét 2 lia bút lên ĐKN4 viết nét thẳng đứng từ trên xuống (cắt ngang nét 2) đến ĐKN1 thì dừng lại.

Chữ số 7



- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
- + Rộng 2 ô li
- + Viết 3 nét: Thẳng ngang, thẳng xiên, thẳng ngang (ngắn)

- Cách viết:

- + Nét 1 : Đặt bút trên ĐKN5 (vị trí số 1) viết nét thẳng ngang đến (vị trí số 2) thì dừng lại.
- + Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới , từ phải sang trái) đến ĐKN1 thì dừng lại.
- + Nét 3 : Từ điểm dừng bút của nét 2 lia bút lên khoảng giữa, viết nét thẳng ngang ngắn trên ĐKN3 (cắt ngang nét 2).

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ số 2



- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
- + Rộng 2 ô li
- + Viết 2 nét: Nét cong trên kết hợp với nét thẳng xiên và nét thẳng ngang.

- Cách viết:

- + Nét 1 : Đặt bút trên ĐKN4 viết nét cong trên nối với nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới, từ phải sang trái) đến ĐKN1 thì dừng lại.
- + Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng ngang trùng ĐKN1 bằng độ rộng của nét cong trên.

Chữ số 3

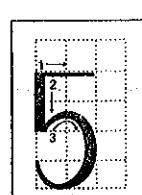


- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
- + Rộng 2 ô li,
- + Viết 3 nét: Thẳng ngang, thẳng xiên, cong phải

- Cách viết:

- + Nét 1 : Đặt bút trên ĐKN5 (vị trí số 1) viết nét thẳng ngang trùng ĐKN5 đến (vị trí số 2) thì dừng lại.
- + Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng xiên đến (vị trí số 3) thì dừng lại.
- + Nét 3 : Từ điểm dừng bút của nét 2, chuyển hướng ngòi bút viết nét cong phải xuống đến ĐKN1 rồi lượn lên tới ĐKN2 thì dừng lại.

Chữ số 5



- Cấu tạo: + Cao 4 ô li.
- + Rộng 2 ô li.
- + Viết 3 nét: Thẳng ngang, thẳng đứng, cong phải

- Cách viết:

- + Nét 1 : Đặt bút trên ĐKN5 viết nét thẳng ngang trùng ĐKN5 đến (vị trí số 2) thì dừng lại.
- + Nét 2 : Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút trở lại điểm đặt bút của nét 1, viết nét thẳng đứng đến ĐKN3 thì dừng lại.
- + Nét 3 : Từ điểm dừng bút của nét 2, chuyển hướng bút viết nét cong phải đến ĐKN2 thì dừng lại.

III. CHỮ VIẾT THƯỜNG ĐÚNG

1. Nhóm chữ có nét tương đồng là nét cong

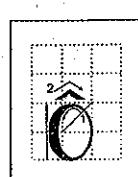
Chữ cái o (o)



- Cấu tạo: + Cao 2 ô li.
- + Rộng 1 ô li ruồi.
- + Viết 1 nét: Cong kín

- Cách viết: Điểm đặt bút ở vị trí số 1 (xem hình vẽ), viết nét cong về bên trái có điểm xa nhất nằm ở đường kẻ phân cách 2 ĐKD, xuống dưới chạm ĐKN1, đưa bút lên phía trên vòng bên phải đến trùng khít với điểm đặt bút (vị trí số 1).

Chữ cái ô (ô)



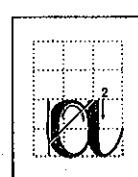
- Cấu tạo: Gồm 1 nét cong kín như chữ o có thêm dấu mũ “^”
- Cách viết: Sau khi viết xong chữ cái o, từ điểm dừng bút trên đầu chữ o lia bút trên không rồi viết dấu mũ “^”. Điểm đặt bút trên đầu chữ cái o viết nét xiên trái, xoay hướng ngòi bút viết nét xiên phải thành dấu “^”

Chữ cái ö (ö)



- Cấu tạo : Gồm một nét cong kín như chữ o có thêm râu “””
- Cách viết:Sau khi viết xong chữ cái o, từ điểm dừng bút của chữ cái o lia bút trên không rồi viết râu “””. Chân của râu “”” chạm vào điểm dừng bút.

Chữ cái a (a)



- Cấu tạo: + Cao 2 ô li.
- + Rộng 2 ô li ruồi.
- + Viết 2 nét: Nét cong kín và nét móc ngược.

- Cách viết: Đầu tiên viết nét cong kín như chữ cái o. Rẽ bút lên giao điểm của ĐKN3 và ĐKD3 (vị trí số 2), xoay hướng ngòi bút (úp ngòi bút xuống) đưa nét bút thẳng xuống viết nét móc ngược. Điểm dừng bút là giao nhau giữa ĐKD 4 và ĐKN2.

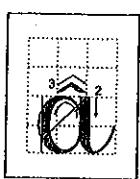
HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ cái ă (á)



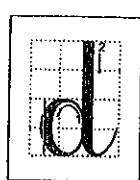
- Cấu tạo: Giống như chữ a có thêm dấu “~”
- Cách viết: Đầu tiên viết chữ a, từ điểm dừng bút của nét 2 của chữ a, lia bút lên viết tiếp dấu “~” (nét cong dưới). Điểm đặt bút nằm trên ĐKD2 và giữa ĐKN3 và 4, viết nét cong xuống rồi lượn lên. Điểm uốn cong thấp nhất của nét cong không chạm vào đầu chữ a.

Chữ â (ó)



- Cấu tạo: Giống như chữ a có thêm dấu mũ “^”
- Cách viết: Đầu tiên viết chữ a, từ điểm dừng bút của nét 2 của chữ a, lia bút lên viết tiếp dấu mũ “^”. Dấu “^” là nét xiên trái ngắn nối với nét xiên phải ngắn tạo thành dấu mũ trên đầu của chữ a. Điểm đặt bút nằm trên ĐKD2 và trung điểm của ĐKN3 và 4. viết nét xiên trái, xoay hướng ngòi bút viết nét xiên phải thành dấu mũ “^”

Chữ cái đ (đê)



- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
+ Rộng 2 ô li rưỡi.
+ Viết 2 nét: Nét cong kín và nét móc ngược sát vào bên phải nét cong kín.
- Cách viết: Sau khi viết nét cong kín như cách viết chữ o, lia bút lên ĐKN5. Từ đó kéo thẳng xuống dựa theo ĐKN3 viết nét móc ngược phải. Điểm dừng bút là giao điểm của ĐKD4 và ĐKN2 (như hình vẽ.)

Chữ cái ð (đê)



- Cấu tạo: Chữ ð có cấu tạo như chữ đ có thêm nét thẳng ngang (ngắn).
- Cách viết: Đầu tiên viết chữ đ, tiếp đó lia bút viết nét thẳng ngang nằm trên ĐKN4 bắt đầu từ giữa ĐKD2 và 3, kết thúc cũng tại điểm giữa ĐKD3 và 4.

Chữ cái q (quy)



- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
- + Rộng 1 ô li rưỡi
- + Viết 2 nét: Nét cong kín và nét thẳng đứng sát vào bên phải nét cong.
- Cách viết: Sau khi viết nét cong khép kín (như chữ o), lia bút đến điểm giao nhau giữa ĐKN3 với ĐKD3 phía dưới viết nét thẳng đứng. Điểm dừng bút là giao điểm của ĐKD3 và ĐKN3 phía dưới.

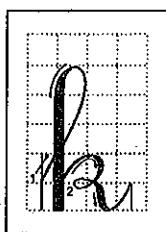
2. Nhóm chữ có nét tương đồng là nét khuyết trên và nét khuyết dưới

Chữ cái h (hát)



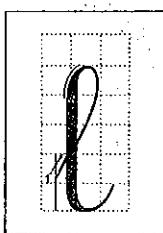
- Cấu tạo: + Cao 5 ô li
- + Rộng 3 ô li.
- + Viết 2 nét : Nét khuyết trên và nét móc hai đầu.
- Cách viết: Điểm xuất phát từ ĐKN2, giữa ĐKN1 và ĐKN2 (vị trí số 1). Từ điểm đặt bút đưa lên giao nhau của ĐKD3 và ĐKN5, đổi hướng bút đưa lên ĐKN6 uốn sao cho đỉnh thật tròn (tròn dần đều) sau đó xoay ngược bút kéo thẳng xuống giao nhau của ĐKN1 và ĐKD 2. Từ điểm cuối của nét khuyết trên, rê bút dọc về phía trên đầu ĐKN2 và tiếp tục viết nét móc 2 đầu. Điểm thấp nhất của nét móc 2 đầu là chạm vào ĐKN1, giữa ĐKD3 và 4. Điểm dừng bút nằm trên ĐKN2 và giữa ĐKD 4 và 5.

Chữ cái k (ca)



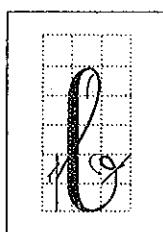
- Cấu tạo: + Cao 5 ô li
- + Rộng 3 ô li.
- + Viết 2 nét: Nét khuyết trên và nét móc hai đầu có thắt nhỏ ở giữa.
- Cách viết: Điểm đặt bút giống điểm đặt bút viết chữ h (xem hình vẽ). Từ điểm đặt bút đưa lên giao nhau của ĐKD3 và ĐKN5, đổi hướng bút đưa lên ĐKN6 uốn sao cho đỉnh thật tròn (tròn dần đều) sau đó xoay cho hướng ngược bút kéo xuống giao nhau của ĐKN1 và ĐKD2. Từ điểm dừng bút của nét khuyết trên, rê ngược bút lên gần ĐKN2 viết nét móc hai đầu có thắt nhỏ ở giữa. Điểm dừng trên ĐKN2 và ở giữa ĐKD 4 và 5.

Chữ cái l (e-lờ)



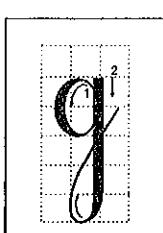
- Cấu tạo: + Cao 5 ô li
- + Rộng 2 ô li.
- + Viết 2 nét: Nét khuyết trên nối tiếp nét móc ngược phải.
- Cách viết: Đặt bút trên ĐKN2 và ở giữa ĐKD1 và 2, đưa bút lượn hơi cong lên phía trên và lượn cong theo chiều mũi tên đến nơi giao nhau của ĐKN5 với ĐKD3, sau đó đưa lên sát ĐKN6 uốn cong đều rồi kéo thẳng xuống giao nhau của ĐKD2 với ĐKN1 thì lượn cong viết nét móc ngược phải. Điểm dừng bút nằm trên ĐKN2 và giữa ĐKD3 và 4.

Chữ cái b (bê)



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li
- + Rộng 2 ô li ruồi.
- + Viết 2 nét: Nét khuyết trên kết hợp với nét móc ngược phải cuối nét rồi lượn vào tạo thành vòng xoắn nhỏ.
- Cách viết: Đặt bút từ trên ĐKN2, giữa ĐKD1 và 2 viết nét khuyết trên (như hình vẽ), nối liền nét khuyết với nét móc ngược phải, chân của nét móc ngược phải chạm vào ĐKN1 ở giữa của ĐKD2 và 3, kéo dài lên tới giao nhau của ĐKN3 với ĐKD3 thì xoay hướng ngòi bút lượn sang trái, tạo thành vòng xoắn nhỏ ở cuối nét. Điểm dừng bút gần ĐKN 3.

Chữ cái g (giê)



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li
- + Rộng 2 ô li.
- + Viết 2 nét: Nét cong kín và nét khuyết dưới
- Cách viết: Viết nét cong khép kín (như viết chữ c) sau đó nét khuyết dưới bắt đầu từ ĐKN3 dựa vào ĐKD3 kéo xuống dưới nơi giao nhau giữa ĐKD3 dưới và ĐKN3 dưới, sau đó kéo tiếp xuống giữa ĐKD2 và 3 dưới ĐKN4 dưới đổi hướng ngòi bút đưa lên giao nhau của ĐKD3 và ĐKN1. Điểm kết thúc nằm trên ĐKN 2 và khoảng giữa hai ĐKD3 và 4.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ cái y (i dài)



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li

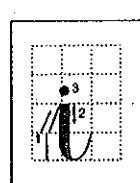
+ Rộng 2 ô li ruồi

+ Viết 3 nét: Nét hất, nét móc ngược phải và nét khuyết dưới.

- Cách viết: Đặt bút ở trên ĐKN2 và ĐKD1 viết nét hất lên ĐKN3, giữa ĐKD1 và 2, viết nét móc ngược phải, từ điểm dừng nét thứ 1 (nét hất), kéo thẳng xuống giữa của ĐKD1 và 2, chạm ĐKN1 rồi lượn vòng lên cho đến khi gặp ĐKN2. Viết nét khuyết dưới: từ giao điểm của nét thứ 2 (nét móc) rê bút thẳng lên giao nhau của ĐKN3 với ĐKD3. Xoay hướng ngòi bút bắt đầu viết nét khuyết dưới. Điểm dừng ngòi bút nằm trên ĐKN2 và ở khoảng giữa ĐKD3 và 4 (như nét khuyết dưới của chữ g).

3. Nhóm chữ có nét tương đồng là nét hất (sô) và nét móc

Chữ cái i (i)



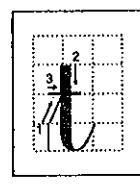
- Cấu tạo: + Cao 2 ô li

+ Rộng 1 ô li ruồi.

+ Viết 3 nét: Nét hất và nét móc ngược phải và một dấu chấm trên đầu nét móc.

- Cách viết: Điểm đặt bút ở giữa ĐKD1 và 2, trên ĐKN2 viết nét hất sang phải đến giao nhau của ĐKN3 và ĐKD2. Từ điểm dừng bút ở nét 1 (như hình vẽ), xoay hướng ngòi bút viết nét móc ngược phải. Điểm thấp nhất của nét móc ngược phải là chạm vào giao điểm của ĐKN1 với ĐKD2. Điểm dừng bút của nét móc ngược phải ở giao nhau của ĐKD3 và ĐKN2. Từ điểm dừng bút của nét móc ngược phải lia bút lên phía trên đầu nét móc nửa dòng kẻ để đặt dấu chấm.

Chữ cái t (tê)



- Cấu tạo: + Cao 3 ô li

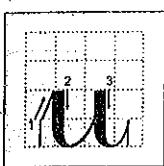
+ Rộng 2 ô li.

+ Viết 3 nét: Nét hất thẳng ngắn chéo sang phải, nét móc và nét ngang.

- Cách viết: Điểm đặt bút ở giữa ĐKD1 và 2, trên ĐKN2 viết nét hất sang phải đến giao của ĐKN3 và ĐKD2. Từ điểm dừng bút ở nét 1 (như hình vẽ), xoay hướng ngòi bút rê ngòi bút lên nơi giao nhau của ĐKN4 và ĐKD2 viết nét móc ngược phải, chạm vào ĐKN 1. Điểm dừng bút của nét móc ngược phải ở chỗ giao của ĐKD2 với ĐKN2. Viết nét thẳng ngang, tiếp tục lia bút giữa ĐKD1 và 2. Nét thẳng ngang có độ dài bằng 1 ô li và nằm trùng lên ĐKN3.

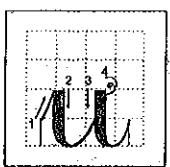
HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ cái u (u)



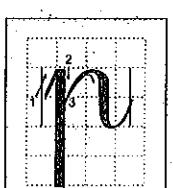
- Cấu tạo: + Cao 2 ô li
+ Rộng 3 ô li.
+ Viết 3 nét: Nét hất hơi chéo về bên phải, hai nét móc ngược.
- Cách viết: Điểm đặt bút ở giữa ĐKD1 và 2, trên ĐKN 2 viết nét hất chéo sang phải đến ĐKN3, giao nhau giữa ĐKD2 và ĐKN3. Từ điểm dừng bút ở nét 1 (như hình vẽ), xoay hướng ngòi bút viết nét móc ngược phải. Điểm thấp nhất của nét móc ngược phải là chạm vào giao điểm của ĐKN1 với ĐKD2. Điểm dừng bút của nét móc ngược phải ở giữa ĐKD3 và 4 trên ĐKN 2. Rẽ bút lên phía trên và dừng lại ở ĐKN3, giữa ĐKD3 và 4 từ đó viết tiếp nét móc ngược thứ hai. Điểm dừng bút nằm trên ĐKN2 và giữa ĐKD 4 và 5.

Chữ cái ur (ur)



- Cấu tạo: Giống chữ 'u' có thêm nét râu “?”
- Cách viết: Như chữ cái 'u', lia bút lên ĐKN3 viết dấu phụ “?” gần đầu nét móc ngược thứ hai, điểm dừng bút chạm vào nét móc ngược 2 (như hình vẽ). Lưu ý: nét râu “?” không được to quá hoặc nhỏ quá.

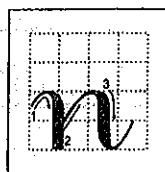
Chữ cái p (pê)



- Cấu tạo: + Cao 4 ô li
+ Rộng 3 ô li.
+ Viết 3 nét: Nét hất thẳng ngắn hơn chéo về bên phải, nét thẳng đứng và nét móc hai đầu.
- Cách viết: Điểm đặt bút ở giữa ĐKD1 và 2, trên ĐKN2 viết nét hất chéo sang phải đến ĐKN3, giao nhau giữa ĐKD2 và ĐKN3. Từ điểm dừng bút ở nét 1 (như hình vẽ), xoay hướng ngòi bút viết nét thẳng đứng xuống giao nhau của ĐKN3 dưới và ĐKD2. Từ điểm dừng bút của nét 2, rẽ bút lên phía bên trên đến gần ĐKN2 viết nét móc hai đầu. Điểm cao nhất của nét móc 2 đầu là điểm giữa của ĐKD3 và 4 trên ĐKN3. Điểm thấp nhất của nét móc 2 đầu chạm vào ĐKN1, giữa ĐKD3 và 4. Điểm dừng bút trên ĐKN2 giữa ĐKD4 và 5

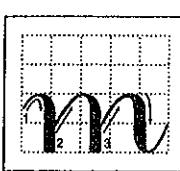
HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ cái n (en - nò)



- Cấu tạo: + Cao 2 ô li
- + Rộng 3 ô li ruồi.
- + Viết 2 nét: Nét móc xuôi và nét móc hai đầu.
- Cách viết: Đặt bút giữa ĐKN2 và 3 trên ĐKD1, viết nét móc xuôi, điểm dừng lại ở giao nhau ĐKN1 và ĐKD2. Tại điểm dừng của nét móc xuôi, rê bút ngược lên gần ĐKN2 viết tiếp nét móc hai đầu. Điểm cao nhất của nét móc hai đầu là giữa ĐKD3 và 4 chạm vào ĐKN3 và điểm dừng bút trên ĐKN2, giữa ĐKD4 và 5.

Chữ cái m (em - mờ)



- Cấu tạo: + Cao 2 ô li
- + Rộng 5 ô li.
- + Viết 3 nét: 2 nét móc xuôi trái và 1 nét móc hai đầu.
- Cách viết: Đặt bút giữa ĐKN2 và 3 trên ĐKD1, viết nét trái 1 dùng bút ở ĐKN1. Tại điểm dừng bút của nét móc xuôi trái 1, rê bút ngược lên gần ĐKN2, viết tiếp nét móc xuôi trái 2, điểm cao nhất của nét móc ngược 2 là chạm vào ĐKN3, giữa ĐKD3 và 4. Tại điểm dừng bút của nét móc xuôi 2, rê bút lên gần ĐKN2 rồi viết tiếp nét móc hai đầu. Điểm cao nhất của nét móc 2 đầu là giao của ĐKN3 với ĐKD5, điểm dừng bút trên giao điểm của ĐKN2 với ĐKD6.

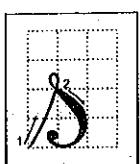
4. Nhóm chữ có nét chữ tương đồng là nét cong (khó), nét móc, nét có vòng xoắn

Chữ cái r (e - rờ)



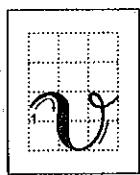
- Cấu tạo: + Cao 2,5 ô li.
- + Rộng 2 ô li ruồi
- + Viết 2 nét: Nét xiên phải, cuối nét có vòng xoắn thắt nhỏ và nét móc 2 đầu, đầu bên trái cao lên nối liền với nét xoắn thắt nhỏ.
- Cách viết: Đặt bút ở giữa ĐKD1 và 2, trên ĐKN1 đưa nét thẳng xiên lên gần nơi giao nhau của ĐKN3 và ĐKD2, lượn sang trái hơi uốn cong tạo thành vòng xoắn nhỏ (như hình vẽ) vượt lên ĐKN3 (đỉnh cao nhất là 2,3 ô li), xoay hướng ngòi bút đưa tiếp sang phải nối liền với nét móc 2 đầu, tạo nét thẳng nằm trùng với đường kẻ này. Tiếp theo đưa ngang nét bút hơi lượn cong xuống để viết nét móc ngược phải. Điểm kết thúc là giao điểm của ĐKD4 và ĐKN2.

Chữ cái s (ét - sì)



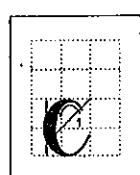
- Cấu tạo: + Cao 2,5 ô li
+ Rộng 2 ô li rưỡi
+ Viết 2 nét: Có sự biến điệu nét thẳng xiên chéo sang phải và nét cong phải.
- Cách viết: Từ điểm đặt bút trên đường giao nhau của ĐKN1 và ĐKD1 viết nét thẳng xiên sang phải theo hướng đi lên đến trên ĐKN3 (như hình vẽ), đi qua nơi giao nhau của ĐKN3 và 2, tạo nét xoắn thắt nhỏ nằm phía trên ĐKN3 (đỉnh cao nhất là 2,3 ô li). Dừng bút ở giữa ĐKN1 và ĐKN2.

Chữ cái v (vẽ)



- Cấu tạo: + Cao 2 ô li
+ Rộng 3 ô li
+ Viết 1 nét. Nét móc hai đầu nhưng phần cuối có biến điệu, cuối nét kéo dài rồi lượn sang trái tạo thành vòng xoắn nhỏ.
- Cách viết: Đặt bút ở giữa ĐKN2 và 3 trên ĐKD1 đưa lên trên viết nét móc hai đầu dựa vào ĐKD2. Điểm cao nhất của nét móc hai đầu chạm vào nhau giữa ĐKN3 và ĐKD2, kéo xuống điểm thấp nhất chạm vào giao nhau giữa ĐKD2 và 3 trên ĐKN1 lượn cong lên về bên phải đến giữa ĐKN2 và 3, giữa của ĐKD3 và 4 (giữa của đường chéo ô vuông nhỏ) thì đổi hướng ngòi bút tạo vòng xoắn nhỏ chạm vào giao nhau của ĐKN3 với ĐKD3. Sau đó vòng tiếp và hướng lên trên cho đến gần ĐKN3 trên ĐKD4 thì dừng lại.

Chữ cái c (xê)



- Cấu tạo: + Cao 2 ô li
+ Rộng 1 ô li rưỡi.
+ Viết 1 nét: Cong trái.
- Cách viết: Điểm đặt bút ở vị trí số 1 (xem hình vẽ), viết nét cong về bên trái có điểm xa nhất nằm trên đường kẻ phân cách giữa ĐKD1 và 2, lượn xuống phía dưới về bên phải xuống đến ĐKN1 rồi đưa bút lên đến điểm dừng bút ở giữa ĐKN1 và 2 trên ĐKD3.

Chữ cái e (e)



- Cấu tạo: + Cao 2 ô li.
+ Rộng 1,75 ô li.
+ Viết 2 nét: Nét cong phải nối với nét cong trái

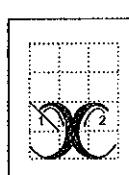
- Cách viết: Điểm đặt bút cao hơn ĐKN1, nằm trên $\frac{1}{4}$ đường chéo của ô li 1 đưa bút chéo sang phải, hướng lên trên, lượn cong tới ĐKN3. Sau đó viết nét cong trái như viết chữ c. Điểm dừng bút ở giữa ĐKN1 và 2 trên ĐKD3.

Chữ cái ê (ê)



- Cấu tạo: Giống như chữ e viết thường, sau đó viết dấu mũ “^”. Chữ ê gồm 4 nét liền nhau: Nét cong phải nối với nét cong trái và dấu mũ “^” gồm nét xiên trái và nét xiên phải.
- Cách viết: Viết giống chữ e. Điểm dừng bút ở giữa ĐKN 1 và 2 trên ĐKD3. Sau đó lia bút lên viết dấu mũ “^”. Điểm đặt bút bên nằm trên đầu của chữ e viết nét xiên trái, xoay hướng ngòi bút viết nét xiên phải thành dấu mũ “^”.

Chữ cái x (ích xì)

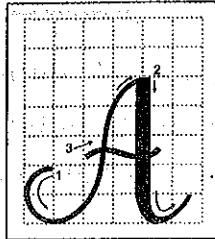


- Cấu tạo: + Cao 2 ô li
+ Rộng 3 ô li.
+ Viết 2 nét: Cong phải và cong trái, hai nét cong này chạm lưng vào nhau.
- Cách viết: Từ điểm đặt bút thấp hơn ĐKN3 gần ĐKD1 lượn cong sang phải để viết nét cong phải. Điểm dừng bút lần thứ nhất chạm ĐKD 1 và ở giữa ĐKN1 và 2. Sau đó, lia bút đến vị trí số 2 (xem hình vẽ) viết đường cong trái như viết chữ c. Điểm dừng bút cuối cùng chạm ĐKD4 và ở giữa ĐKN1 và 2. Lưu ý khi viết cần cho lưng hai nét cong chạm vào nhau.

IV. CHỮ VIẾT HOA ĐÚNG

NHÓM 1

Chữ A



Chữ A có hai cách viết, sau đây là phương pháp dạy học sinh theo cách thứ nhất.

- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.

+ Rộng 5 ô li ruồi.

+ Viết 3 nét: Gần giống nét móc ngược trái nhưng hơi lượn bên phải ở phía trên, nét móc ngược phải và nét lượn ngang.

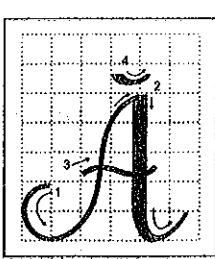
- Cách viết:

+ Nét 1: Bắt đầu từ điểm giao nhau của ĐKD2 với ĐKN3 tạo nét cong phải chạm đến ĐKN1 rồi hơi lượn, sau đó đưa bút lên đến giao điểm của ĐKD5 và ĐKN6.

+ Nét 2: Từ điểm kết thúc trên của nét 1, viết tiếp nét móc ngược phải, điểm dừng bút ở ĐKN2, giữa ĐKD 6 và 7.

+ Nét 3: Lia bút lên đến phía trên ĐKN3 viết nét lượn ngang chia đôi chữ.

Chữ Ă



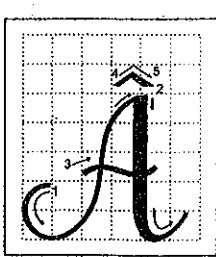
- Cấu tạo: Giống như chữ A và có thêm dấu “~”

- Cách viết:

+ Viết nét 1, 2, 3 giống chữ A

+ Viết nét 4: Từ điểm dừng bút của chữ cái A lia bút viết dấu “~” ở giữa ô li 6.

Chữ Â



- Cấu tạo: Giống chữ A và có thêm dấu “^”

- Cách viết:

+ Viết nét 1, 2, 3 giống chữ cái A

+ Viết nét 5: Từ điểm dừng bút của chữ cái A lia bút viết dấu “^”.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

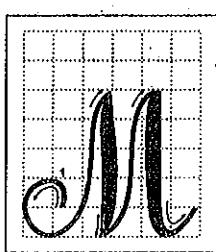
Chữ N



Chữ N có hai cách viết, sau đây là phương pháp dạy học sinh theo cách thứ nhất.

- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
- + Rộng 6 ô li.
- + Viết 3 nét cơ bản: Móc ngược trái, thẳng xiên phải hơi lượn sang trái và nét móc xuôi phải hơi nghiêng xoắn tròn ở điểm cuối.
- Cách viết: Đặt ngòi bút từ 1/3 khoảng cách giữa ĐKD2 và 3, trên ĐKN2, viết nét móc ngược trái có đầu móc tròn, đưa lên giao nhau của ĐKN6 với ĐKD4 thì dừng lại. Từ giao điểm ĐKN6 và ĐKD4 kéo thẳng xuống ĐKN1 giữa ĐKD4 và 5, chuyển hướng ngòi bút viết tiếp nét móc xuôi phải từ dưới lên trên sang phải cho đến ĐKN6 và giữa ĐKD6 và 7 sau đó lượn cong xuống (lưu ý đầu nét tròn). Điểm kết thúc của nét móc xuôi phải trên ĐKN5, giữa ĐKD6 và 7.

Chữ M

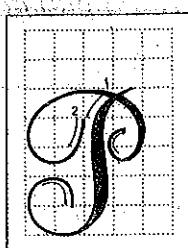


Chữ M có hai cách viết, sau đây là phương pháp dạy học sinh theo cách thứ nhất.

- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
- + Rộng 6 ô li.
- + Viết 4 nét: Móc ngược trái, thẳng xiên hơi lượn sang trái, thẳng xiên hơi lượn bên ở hai đầu và nét móc ngược phải.
- Cách viết: Xuất phát từ 1/3 khoảng cách giữa ĐKD2 và 3, trên ĐKN2, viết nét móc ngược trái có đầu móc tròn, đưa lên giao nhau của ĐKN6 với ĐKD4. Từ giao điểm của ĐKN6 và ĐKD4 kéo thẳng xuống giao nhau của ĐKN1 với ĐKD4, viết tiếp nét xiên lên sang phải cho đến ĐKN6 giữa ĐKD5 và 6 viết tiếp nét móc ngược phải. Kết thúc nét móc tại giao điểm giữa ĐKN2 và ĐKD7.

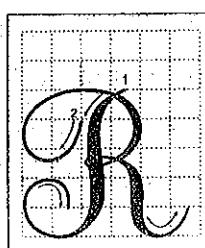
NHÓM 2

Chữ P



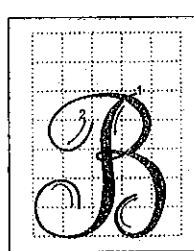
- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
+ Rộng 4 ô li.
+ Viết 2 nét: Nét móc ngược trái và nét cong trên.
- Cách viết: Viết nét móc ngược trái, điểm đặt bút ở trên ĐKN6, giữa ĐKD4 và 5 đưa bút xuống vị trí giao điểm ĐKN2 và ĐKD3 thì lượn cong sang trái tạo nét cong, điểm cuối là giữa ĐKD2 và 3 nằm trên ĐKN2. Lia bút đến điểm giao nhau của ĐKD3 và ĐKN5 để bắt đầu viết nét thứ 2 (như hình vẽ). Điểm kết thúc nằm giữa ĐKD4 và 5 giữa ĐKN4 và 5.

Chữ R



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
+ Rộng 5 ô li ruồi.
+ Viết 2 nét: Tạo bởi 3 nét: Nét móc ngược trái, sự kết hợp của nét cong trên và nét móc ngược phải.
- Cách viết: Viết nét móc ngược trái: Từ điểm đặt bút ở trên ĐKN6, giữa ĐKD4 và 5 đưa bút xuống vị trí giao điểm ĐKN2 và ĐKD3 thì lượn cong sang trái tạo nét cong, điểm cuối là giữa ĐKD2 và 3 nằm trên ĐKN2. Lia bút đến điểm giao nhau giữa ĐKD3 và ĐKN5 để bắt đầu viết nét thứ 2 (như hình vẽ), tạo nét thắt giữa ĐKN3 và 4 tiếp tục viết nét móc 2 đầu. Điểm dừng bút

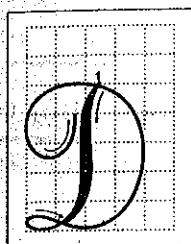
Chữ B



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
+ Rộng 4 ô li.
+ Viết 2 nét: Tạo bởi 3 nét cơ bản: Nét móc ngược trái nhưng phía trên hơi lượn sang phải và sự kết hợp của 2 nét cơ bản cong trên và cong phải.
- Cách viết: Nét 1 viết gần giống chữ cái R
+ Nét 2 viết nét cong lượn thắt, lia bút đến giao nhau của ĐKN5 và ĐKD3 viết nét cong lượn thắt vào khoảng giữa ĐKD1 và 2 rồi viết nét vòng lặp 1 sát ĐKD5, tạo nét thắt bên dưới ĐKN4, tiếp tục viết nét cong phải, sang đến giữa ĐKD5 và 6. Điểm kết thúc nằm giữa ĐKD4 và 5 và giữa ĐKN2 và 3.

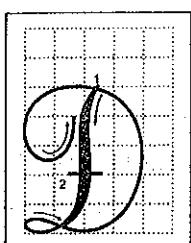
HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ D



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
- + Rộng 4 ô li.
- + Viết 1 nét: Được tạo bởi 3 nét cơ bản: Lượn 2 đầu (dọc) và cong phải nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ.
- Cách viết: Đặt bút từ trên ĐKN6, cách ĐKD3 về phía ĐKD4 là 2/3 kéo xuống giao nhau của ĐKN2 và ĐKD3 bên dưới ĐKN2 tạo nét thắt nặm sát bên ĐKN1, tiếp tục viết nét cong phải từ dưới đi lên nhưng kết thúc bằng nét cong trái. Điểm dừng bút

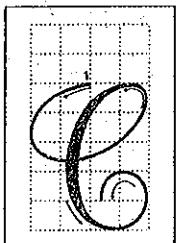
Chữ Đ



- Cấu tạo: Giống như chữ cái Đ và có thêm nét ngang “—”.
- Cách viết: Chữ Đ viết như chữ Đ, sau đó thêm nét ngang ở ĐKN3.

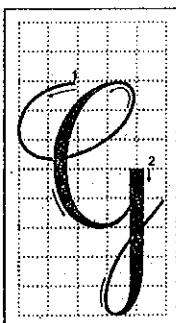
NHÓM 3

Chữ C



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
- + Rộng 4 ô li.
- + Viết 1 nét: Được tạo bởi 2 nét cơ bản: Cong dưới và cong trái nối liền nhau, tạo thành vòng xoắn to ở đầu chữ.
- Cách viết: Điểm đặt bút ở giao điểm của ĐKN6 và ĐKD3 vòng theo mũi tên trong hình vẽ xuống đến 2,5 ô li rồi vòng lên ĐKD5 gấp ĐKN6 và tiếp tục lượn xuống giống nét cong trái đến sát ĐKN1, tiếp tục vòng lên đến giao ĐKN2 và ĐKD5, sau đó theo mũi tên chỉ dẫn về điểm giữa của ĐKD3 và 4 trên ĐKN2.

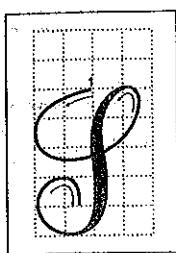
Chữ G



- Cấu tạo: + Cao 8 ô li.
- + Rộng 5 ô li
- + Viết 2 nét: Nét 1 được tạo bởi 2 nét cơ bản: Cong dưới, cong trái và nét 2: khuyết dưới.
- Cách viết: Viết chữ G (giống về hình dáng và kích thước). Tuy nhiên về cuối nét là không có lượn xuống mà dừng lại ở giao nhau giữa ĐKD5 và ĐKN2. Viết tiếp nét khuyết dưới và dừng bút ở ĐKN2.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ S



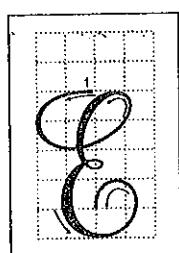
- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
- + Rộng 3 ô li rưỡi.
- + Viết 1 nét: Được tạo bởi 2 nét: Cong dưới và móc ngược trái nối liền nhau tạo thành vòng xoắn to ở đầu chữ cuối nét lượn vào trong.
- Cách viết: Đặt bút ở trên điểm giao nhau giữa ĐKN6 và ĐKD3 vòng theo chiều mũi tên (theo hình vẽ) xuống đến 2,5 ô li (theo hình vẽ), viết nét cong dưới, chuyển hướng ngòi bút viết nét móc ngược trái tạo thành vòng xoắn to lượn vào trong và kết thúc ở ĐKN2 giữa ĐKD2 và 3.

Chữ L



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
- + Rộng 4 ô li.
- + Viết 1 nét: Được tạo bởi 3 nét: Cong dưới, lượn dọc và lượn ngang nối liền nhau, tạo vòng xoắn to ở đầu chữ, vòng xoắn nhỏ ở chân chữ.
- Cách viết: Đặt bút ở trên điểm giao nhau giữa ĐKN6 và ĐKD3 theo chiều mũi tên (như hình vẽ) xuống đến 2,5 ô li (theo hình vẽ), viết nét cong dưới lượn trở lên rồi vòng sang giữa ĐKD4 và 5 lên ĐKN6, chuyển hướng ngòi bút tiếp tục viết nét lượn dọc (lượn 2 đầu), xoay hướng bút viết nét lượn ngang (lượn 2 đầu) đến sát ĐKN1, tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ, điểm dừng bút tại giao nhau của ĐKD5 và ĐKN2.

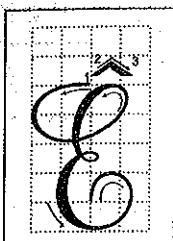
Chữ E



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
- + Rộng 3 ô li rưỡi.
- + Viết 1 nét: Được tạo bởi 3 nét: Nét cong dưới và hai nét cong trái nối liền nhau, tạo thành vòng xoắn nhỏ ở giữa thân chữ.
- Cách viết: Điểm xuất phát của chữ E giống chữ C vòng theo chiều mũi tên (như hình vẽ) xuống đến 2 ô li rồi vòng lên ĐKN6 và tiếp tục lượn xuống. Viết tiếp nét thắt và nét xoắn ốc. Nét thắt nhỏ ở vị trí trung tâm của toàn chữ, rồi lượn bút vòng về bên trái xuống ĐKN1, tiếp tục lượn vòng lên hình xoắn ốc. Điểm dừng bút ở giao nhau giữa ĐKD3 và ĐKN2.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ Ê



- Cấu tạo: Giống như chữ E và có thêm dấu phụ “^”.
- Cách viết: Viết như chữ E. Tại điểm dừng bút của chữ E lia bút lên giữa ĐKN6 và 7 viết dấu “^”.

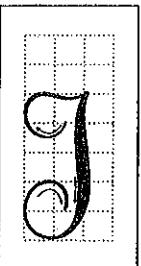
Chữ T



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li
+ Rộng 4 ô li.
+ Viết 1 nét: Được tạo bởi 3 nét cơ bản: cong trái nhỏ, lượn ngang ngắn và cong trái to, nối liền với nhau tạo vòng xoắn nhỏ ở đầu chữ.
- Cách viết: Viết nét cong trái từ điểm đặt bút trên ĐKD4 và giữa ĐKN4 và 5. Tạo nét thắt nằm kè dưới ĐKN6. Tiếp theo viết tiếp nét cong phải thứ hai kéo xuống sát ĐKN1, lượn bút tạo nét vòng đi lên và kết thúc trên ĐKN2 và ở giữa ĐKD3 và 4.

4. NHÓM 4

Chữ I



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
+ Rộng 2 ô li.
+ Viết 2 nét: Kết hợp nét cong trái và nét móc ngược phải.
- Cách viết: Từ điểm đặt bút trên ĐKN5 giữa ĐKD2 và 3, viết nét cong trái và kéo dài thêm đến ĐKN6. Từ điểm này kéo thẳng xuống đến ĐKN2 rồi bắt đầu lượn lên phía trái đến giữa ĐKD1 và 2. Điểm kết thúc là giao điểm giữa ĐKD3 và ĐKN2.

Chữ K



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
+ Rộng 5 ô li.
+ Viết 3 nét: Cong trái và lượn ngang; nét móc ngược trái, sự kết hợp của 2 nét cơ bản: móc xuôi phải và móc ngược phải.
- Cách viết: Nét 1, lia bút lên trên đến giao điểm giữa ĐKN5 và ĐKD5 vòng bút viết nét cong bé, đưa bút hơi thẳng xuống quãng giữa của chữ để tạo nét thắt nhỏ ở giữa, tiếp theo là viết nét móc ngược bên phải. Điểm dừng bút là giao điểm giữa ĐKN2 và ĐKD6.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ V



Chữ V có hai cách viết, sau đây là phương pháp dạy học sinh theo cách thứ nhất.

- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
+ Rộng 5 ô li.
+ Viết 3 nét: Nét cong trái và lượn ngang, nét thẳng đứng (hơi lượn ở 2 đầu) và nét móc xuôi phải.
- Cách viết: Từ điểm đặt bút trên ĐKN5 nằm giữa ĐKD2 và 3, viết nét cong trái và kéo dài thêm đến ĐKN6. Từ điểm đặt bút của nét cong trái, chuyển hướng ngòi bút để viết nét thẳng đứng hơi lượn ở 2 đầu, đến ĐKN1 thì dừng lại. Từ điểm dừng bút của nét thẳng đứng, chuyển hướng ngòi bút lên để viết nét móc xuôi phải. Điểm dừng bút cuối cùng của nét móc xuôi phải nằm trên ĐKN5 giữa ĐKD5 và 6.

Chữ H



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
+ Rộng 5 ô li.
+ Viết 3 nét: Sự kết hợp của nét cong trái và lượn ngang; kết hợp của 3 nét cơ bản: khuyết dưới (khuyết ngược), khuyết trên (khuyết xuôi) và móc ngược phải; nét số thẳng (giữa đoạn nối của hai nét khuyết).

- Cách viết: Đặt bút trên ĐKN5, giữa ĐKD2 và 3 viết nét cong về hướng trái sát với ĐKD1, sau đó đưa lên đến điểm dừng bút là giao nhau của ĐKD3 và ĐKN6 (như hình vẽ). Từ điểm cuối của nét cong trái (giao điểm của ĐKN6 và ĐKD3) viết nét khuyết dưới (như hình vẽ). Sau đó tiếp tục viết nét khuyết trên. Đoạn cuối của nét này vòng lên về bên phải và kết thúc ở giao nhau của ĐKN2 với ĐKD6. Lià bút lên trên vào giữa chữ và viết nét số thẳng đứng.

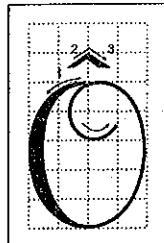
NHÓM 5

Chữ O



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
+ Rộng 4 ô li.
+ Viết 1 nét, có vòng xoắn nhỏ ở trong.
- Cách viết: Đặt bút trên điểm giao nhau giữa ĐKN6 với ĐKD3 viết nét cong kín, kéo xuống ĐKN1 tại điểm giao nhau giữa ĐKD3 và ĐKN1. Khi đường cong gấp điểm đặt bút thì tạo thêm một nét vòng xoáy nhỏ bên trong, điểm đặt bút cuối cùng tại giữa ĐKN4 và 5 trên ĐKD4.

Chữ Ô



- Cấu tạo: Giống như chữ O và có thêm dấu “^”.
- Cách viết: Nét 1 viết nhu chữ cái O. Tại điểm dừng bút của chữ O, lia bút lên giữa ĐKN6 và 7 viết dấu mũ “^”.

Chữ Ö



- Cấu tạo: Giống như chữ O và có thêm dấu “”.
- Cách viết: Nét 1 viết nhu chữ cái O. Tại điểm dừng bút của chữ O, lia bút lên giữa ĐKD4 và 5 và 2/3 hướng lên trên giữa ĐKN5 và 6 viết nét “”.

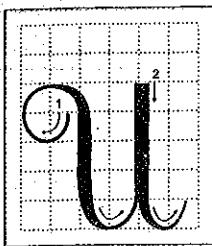
Chữ Q



- Cấu tạo: Giống như chữ O và có thêm nét lượn “~”
- Cách viết: Nét 1 viết nhu chữ cái O. Tại điểm dừng bút của chữ O, lia bút xuống gần ĐKD2 và cách giữa ĐKN1 và ĐKN2 là 2/3 ô li viết nét “~” ở đáy về bên phải chữ.

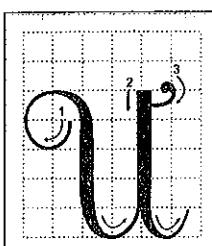
NHÓM 6

Chữ U



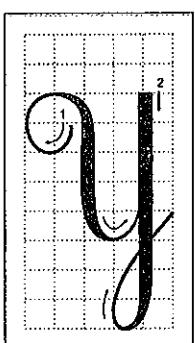
- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
- + Rộng 5 ô li ruồi.
- + Viết 2 nét: nét móc 2 đầu và nét móc ngược phải.
- Cách viết: Điểm đặt bút xuất phát từ ĐKN5, giữa ĐKD2 và 3 viết nét móc 2 đầu, đầu móc bên trái cuộn vào trong, đầu móc bên phải hướng ra ngoài (như hình vẽ). Điểm dừng bút ở trên ĐKN2, gần tiến đến ĐKD5. Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút thẳng lên ĐKN6, sau đó xoay hướng ngòi bút để viết nét móc ngược phải từ trên xuống. Điểm dừng bút nằm trên ĐKN2 giữa ĐKD6 và 7.

Chữ Ư



- Cấu tạo: Giống như chữ 'U' và có thêm dấu mũ “^”.
- Cách viết: Từ điểm dừng nét 1 của chữ 'U' lia bút lên ĐKN6, gần nét 2 viết nét râu “ ” chạm vào thân của nét 2.
- Lưu ý: Khi viết nét râu phải cân đối và tương xứng với các nét đã viết, không được quá to cũng không được quá nhỏ.

Chữ Y



- Cấu tạo: + Cao 8 ô li.
- + Rộng 5 ô li.
- + Viết 2 nét: Nét móc 2 đầu và nét khuyết dưới.
- Cách viết: Điểm đặt bút xuất phát từ ĐKN5, giữa ĐKD2 và 3 viết nét móc 2 đầu, đầu móc bên trái cuộn vào trong, đầu móc bên phải hướng ra ngoài (như hình vẽ). Điểm dừng bút ở giữa gần ĐKD5 trên ĐKN2. Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút lên ĐKN6, sau đó xoay hướng ngòi bút để viết nét khuyết dưới, kéo xuống điểm dưới cùng của nét khuyết này là điểm giữa của ĐKD4 và 5 dưới nằm trên ĐKN4 dưới. Điểm dừng bút là giao điểm giữa ĐKN2 và ĐKD6.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ X



- Cấu tạo: + Cao 5 ô li.
- + Rộng 4 ô li.
- + Viết 1 nét: Được tạo bởi 4 nét cơ bản: Móc hai đầu trái, thẳng xiên, lượn hai đầu và móc hai đầu phải.
- Cách viết: Đặt bút trên ĐKN5, viết nét móc 2 đầu trái (hai đầu đều lượn vào trong) rồi vòng lên viết tiếp nét thẳng xiên lượn lại ở 2 đầu từ trái sang phải, lên phía trên (cân xứng), xoay hướng ngòi bút xiên chéo giữa thân chữ, tới ĐKN6 (như hình vẽ) thì tiếp tục chuyển hướng ngòi bút để viết tiếp nét móc 2 đầu phải từ trên xuống, cuối nét lượn vào trong sao cho cân xứng với nét móc 2 đầu trái. Điểm dừng bút ở trên ĐKN2 và giữa ĐKD 3 và 4.

V. CÁC KĨ THUẬT VIẾT

1. Viết liền mạch

Khi viết các con chữ trong một chữ ta cần chú ý viết liền mạch. Trong một chữ ta sử dụng kĩ thuật lia bút, rê bút, thuật kéo dài nét và thêm nét phụ để nối các nét chữ trong một chữ cho liền mạch. Khi nối liền các con chữ trong một chữ xuất hiện hai trường hợp:

- Nét nối thuận lợi: Là những nét nối giữa hai con chữ có điểm dừng bút và điểm đặt bút trùng nhau.
- Nét nối không thuận lợi: Là những nét nối giữa hai con chữ có điểm dừng bút và điểm đặt bút không trùng nhau.

2. Viết đúng khoảng cách

Có hai loại khoảng cách

- Khoảng cách giữa chữ nọ và chữ kia bằng một đơn vị chữ (lấy chữ bằng một đơn vị chữ)
- Khoảng cách giữa con chữ nọ và con chữ kia bằng $1/2$ đơn vị chữ ($1/2$ con chữ)

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

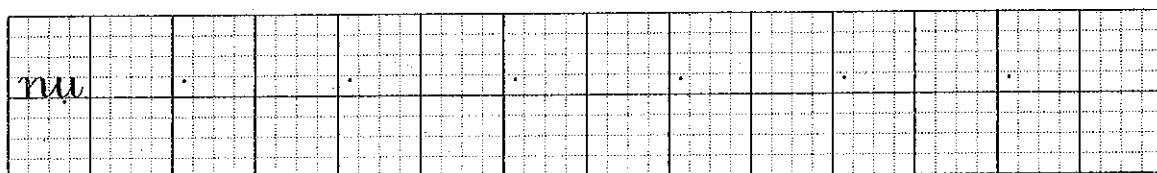
3. Đánh dấu chữ và dấu ghi thanh

- Kích thước dấu chữ và dấu ghi thanh: 1/4 đơn vị chữ
- Dấu chữ nào đánh sát với dấu chữ ấy, dấu ghi thanh đánh ở vị trí âm chính của vần. Viết liền mạch các nét chữ rồi mới đánh dấu chữ và dấu ghi thanh.

Ngoài ra, viết lướt bút, nhấn bút sẽ thể hiện rõ thanh đậm và tạo ra đặc tính riêng biệt của người viết. Để rèn chữ viết đẹp cho học sinh trong thời gian ngắn nhất mà đạt hiệu quả cao nhất, ta cần chú ý những chỗ nào (nét chữ, kĩ thuật) học sinh đã đạt được rồi thì không phải rèn nữa mà chỉ bồi dưỡng cho học sinh những điểm yếu và thiếu.

4. Một số ví dụ

Chữ “nụ”



Đây là trường hợp nét móc của chữ cái đứng tróc nối với nét hất đầu tiên của chữ cái đứng sau. Khi viết cần điều tiết về độ rộng, khoảng cách giữa hai chữ cái sao cho vừa phải hợp lí để chữ viết đều nét và có tính thẩm mĩ. Khoảng cách từ chữ cái *n* sang chữ cái *ü* hơi hẹp lại. Dấu nặng đặt dưới chữ cái *ü*.

Chữ “mẹ”

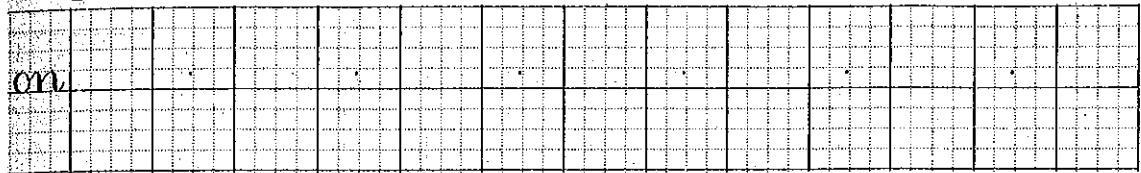


Đây là trường hợp nét móc của chữ cái đứng tróc nối với nét cong của chữ cái đứng sau. Từ điểm dừng bút của chữ cái *m* rê bút viết tiếp chữ cái *e* sao cho liền mạch. Chú ý phần cuối của chữ *m* hơi rộng một chút để viết chữ *e*. Dấu nặng đặt dưới chữ cái *e*.

* Từ ứng dụng : *rèn luyện, tiên tiến*

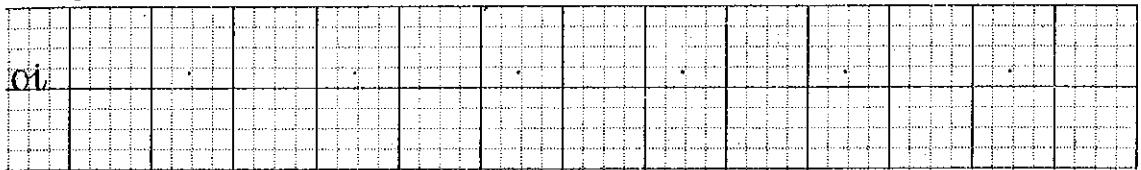
TƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Chữ ghi vần *o*



Đây là trùng hợp nét cong cuối cùng của chữ cái đứng trước nối với nét móc đầu tiên của chữ cái đứng sau. Khi viết xong chữ cái *o* chuyển hóng ngòi bút ở cuối nét cong kín để nối sang nét móc của chữ cái *n* sao cho hình dạng hai chữ cái vẫn rõ ràng, khoảng cách hợp lí.

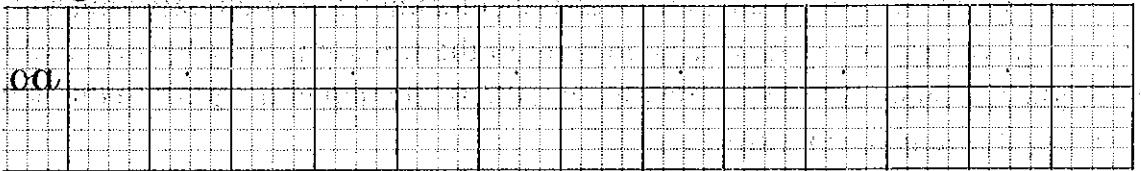
Chữ ghi vần *oi*



Cách viết gần giống với chữ ghi vần *on*. Đây là trùng hợp nét cong cuối cùng của chữ cái đứng trước nối với nét hất đầu tiên của chữ cái đứng sau. Khi viết xong chữ cái *o* chuyển hóng ngòi bút ở cuối nét cong kín để nối sang nét hất của chữ cái *i* sao cho hình dạng hai chữ cái vẫn rõ ràng, khoảng cách hợp lí. Khoảng cách từ chữ cái *o* sang chữ cái *i* hơi hẹp lại. Cuối cùng đánh dấu chấm tên đầu con chữ *i*.

* Từ ứng dụng : *con voi*

Chữ ghi vần *oa*

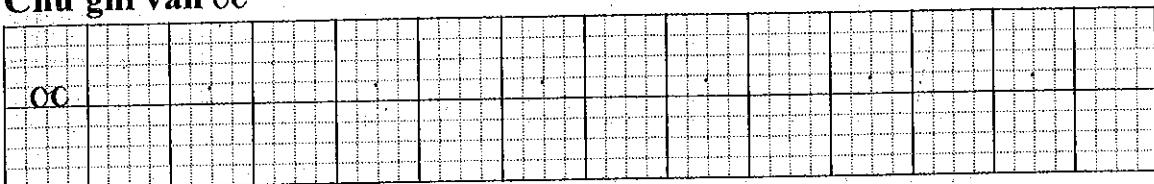


Đây là trùng hợp nét cong của chữ cái đứng trước nối với nét cong của chữ cái đứng sau (trùng hợp nối khó nhất). Rẽ bút từ điểm cuối của chữ cái *o* sang gang rồi lia bút viết tiếp chữ cái *a* để thành chữ ghi vần *oa* sao cho khoảng cách giữa *o* và *a* hợp lí (không quá gần hoặc quá xa).

Từ ứng dụng : *hoa lan*

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

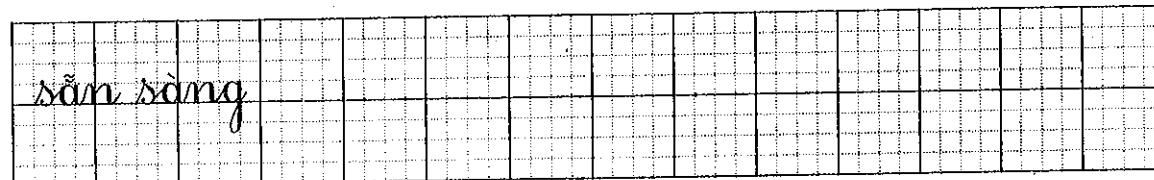
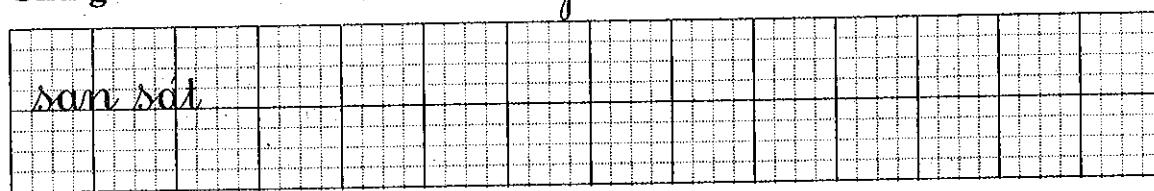
Chữ ghi vân oc



Cách viết gần giống với chữ ghi vân oa , (đây là trùng hợp nét cong của chữ cái đứng tróc nối với nét cong của chữ cái đứng sau (đây cũng là trùng hợp nối khó). Rẽ bút từ điểm cuối của chữ cái o sang ngang rồi lia bút viết tiếp chữ cái để thành chữ ghi vân oa sao cho khoảng cách giữa o và c hợp lí (không quá gần hoặc quá xa).

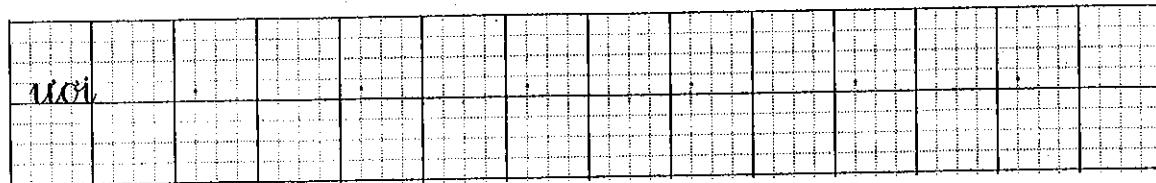
*Từ ứng dụng : tóc bạc

Chữ ghi từ săn sát, săn sàng



Đây là trùng hợp chữ cái đầu tiên & của từng chữ không có điểm dừng bút h-
óng tới chữ cái kế tiếp. Khi viết ta có thể tạo thêm nét phụ (nét hất) để lấp
khoảng cách, liên kết chữ và tạo đà lia bút. Những chữ cái còn lại ta vận dụng
các kĩ thuật viết chữ đã nói ở trên.

Chữ ghi vân ươi



HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Đây là trường hợp nét móc của chữ cái đứng trước nối với nét cong của chữ cái đứng giữa, nét cong của chữ cái đứng giữa nối với nét hất của chữ cái đứng sau. Viết chữ cái **u** trước, lia bút ốc lượng khoảng cách viết chữ cái **o** sau đó chuyển hóng ngòi bút ở cuối nét cong kín để sang nét hất của chữ cái **i**. Cuối cùng đánh dấu “” của chữ **o**, dấu “” của chữ **i**.

* Từ ứng dụng: **người**

* Từ ứng dụng tổng hợp: **nước, dương, khúc khuỷu, cải xoong**

VI. KINH NGHIỆM DẠY LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

1. Khảo sát thông kê lỗi sai, phân tích nguyên nhân, tìm cách khắc phục

* Một số lỗi sai cơ bản: thiếu nét, thừa nét, sai nét, khoảng cách, dấu, mẫu chữ, cỡ chữ, chính tả, trình bày.

*** Phân tích nguyên nhân và cách khắc phục.**

+ Thiếu nét: Lỗi này do thói quen của học sinh chưa viết hết các nét chữ đã dùng lại. Cần nhắc nhở thường xuyên để tạo thói quen viết hết nét và dùng bút đúng điểm, đúng quy định. Cho học sinh viết thêm nét cho đủ nét ở ngay những chữ học sinh vừa viết thiếu nét, đồng thời xem lại những bài viết trước chữ nào còn thiếu nét thì thêm vào cho đủ và cho tập lại ngay bài vừa sửa.

+ Thừa nét: Lỗi này do học sinh viết sai quy trình, điểm đặt bút ban đầu, nét đầu học sinh viết không đúng, dừng điểm vượt quá quy định. Cách khắc phục là giáo viên phải hướng dẫn lại quy trình viết chữ cái đó.

+ Sai nét: Lỗi này thường do học sinh cầm bút sai, các ngón tay quá gần ngòi bút, khi viết biến độ dao động của ngòi bút ngắn, đầu ngòi bút di chuyển không linh hoạt làm cho nét chữ bị cong vẹo gây sai nét. Cách khắc phục là nhắc học sinh cầm bút cho đúng. Khi viết các ngón tay cử động linh hoạt phối hợp với cử động của cổ tay và cánh tay.

+ Khoảng cách: Lỗi này thường mắc với những học sinh viết hay nhắc bút, không viết liền mạch, đưa tay không đều. Cần giúp học sinh kỹ thuật viết liền mạch, đưa đều tay. Quy định về khoảng cách chữ là 1 đơn vị chữ, khoảng cách giữa các con chữ thay đổi theo từng nét chữ khoảng từ 1/2 đến 1/4 đơn vị chữ.

HƯỚNG DẪN LUYỆN VIẾT CHỮ ĐẸP

Viết liền mạch xong chữ mới đánh dấu chữ và dấu ghi thanh.

VD: viết chữ: trắng - hướng dẫn viết: trang - liền mạch, xong mới đánh dấu “”, và dấu sắc - trắng.

+ Dấu chữ, dấu thanh: Đánh dấu chữ và ghi dấu thanh nhỏ bằng $\frac{1}{2}$ đơn vị chữ. Dấu thanh đánh vào âm chính của vẫn và không vượt quá đơn vị thứ hai. Nếu chữ có dấu mũ thì các dấu thanh nằm bên phải dấu mũ.

+ Mẫu chữ, cỡ chữ: Do học sinh không nắm được mẫu chữ tại Quyết định 31/2002/QĐ-BGD & ĐT.

+ Lỗi chính tả: Lỗi này do phuong ngữ của các em và cách phát âm sai hoặc không nắm được quy tắc chính tả.

+ Trình bày: Do học sinh chưa nắm được cách trình bày.

2. Một số kinh nghiệm luyện viết chữ đẹp

* Viết chữ đẹp là do quá trình kiên trì rèn luyện. Vì vậy cơ hội luyện chữ đẹp là dành cho tất cả mọi người.

* Muốn có nhiều học sinh viết chữ đẹp thì bản thân giáo viên phải là người luyện được chữ đẹp, có nhiều kinh nghiệm trong quá trình luyện chữ.

* Giáo viên phải gây được hứng thú, lòng say mê luyện chữ đẹp cho học sinh bằng cách:

+ Nêu những gương sáng về chữ viết đẹp.

+ Sưu tầm, phô - tô - cop - py những bài viết đạt giải từ cấp quận (huyện) trở lên.

+ Động viên, khuyến khích học sinh kịp thời cho dù sự tiến bộ là không nhiều.

* Cho học sinh luyện tập có bài bản từ dễ đến khó theo tài liệu, giáo viên cần nhắc học sinh lưu ý khi viết bài:

+ Viết đúng độ rộng, khoảng cách các chữ cái, các chữ ghi tiếng.

+ Các chữ a, ă, â, đ, ă phải viết hở khe, góc.

+ Viết liền mạch hết hình chữ cái sau đó mới đánh dấu chữ và dấu thanh.

+ Dấu thanh thường đánh ở giữa ô li thứ hai.

* Kết hợp với phụ huynh nhắc các em rèn chữ ở nhà, thường xuyên, liên tục.

Phần thứ ba
BÀI TẬP ỨNG DỤNG

Sử dụng phần “Bài tập ứng dụng” của tác giả:

1. Th.s. Đặng Thị Trà

Vở thực hành luyện viết chữ đẹp (Kiểu chữ đứng)

NXB Đại học Sư phạm - 2009

2. Th.s. Đặng Thị Trà

Vở thực hành luyện viết chữ đẹp (Kiểu chữ nghiêng)

NXB Đại học Sư phạm - 2009

